

DANH SÁCH TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ QUẢN LÝ - GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2022-2023

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ (VD: HT, PHT, GV)	Thuộc diện (Nếu thuộc diện biên chế: Nhập BC, nếu thuộc diện hợp đồng: Nhập HĐ)	Mã số, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng (Nhập theo QĐ lương hiện hưởng. VD: V.07.04.10, V.07.04.11, V.07.04.12, V.07.04.30, V.07.04.31, V.07.04.32)	Giới tính (Nếu là Nữ: Nhập X, nếu là Nữ: thì bỏ trống)	Đang viên (Nếu là Đảng viên: Nhập X, ngược lại bỏ trống)	Chuyên môn giảng dạy (VD: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDGD, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Công nghệ, Tin học...)	Trình độ chuyên môn (Nhập theo trình độ chuyên môn cao nhất hiện có, VD: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ)	Đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn: Nhập theo trình độ, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH; nếu không tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn thì bỏ trống)	Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Trình độ Tin học (Nhập theo trình độ Tin học cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ, Trung cấp: TC, Chuyên viên: CV, Kỹ thuật viên: KTV, Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao/cơ bản: CCUD CNTT NC/CB, Chứng chỉ A/B/C: CC A/B/C...)	Chứng chỉ, bằng cấp ngoại ngữ (Nhập loại ngoại ngữ của chứng chỉ, bằng cấp hiện có, VD: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Hoa...)	Trình độ ngoại ngữ (Nhập theo trình độ ngoại ngữ cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ, Trung cấp: TC, Chứng chỉ A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2: CC A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2...)	Trình độ lý luận chính trị (Nhập theo trình độ lý luận chính trị cao nhất hiện có, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; những trường hợp có trình độ TCCT, đồng thời có Cử nhân chính trị thì tính là TCCT; những trường hợp có trình độ Tương đương CCCT thì tính là CCCT)	Đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị: Nhập theo trình độ, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; nếu không tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị)
1	Lại Thị Bạch Hương	THCS Nguyễn Chí Thanh	Hiệu trưởng	BC	V.07.04.11	X	X	Ngữ văn	ThS		X		UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B1	CCCT	
2	Trần Thị Mỹ Hạnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	Phó hiệu trưởng	BC	V.07.04.11	X	X	Toán	ThS		X		UDCNTT Nâng cao	Tiếng anh	B	Trung cấp	
3	Phan Thu Hoài	THCS Nguyễn Chí Thanh	Phó hiệu trưởng	BC	V.07.04.11	X	X	Ngữ văn	ThS		X		UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	Trung cấp	
4	Nguyễn Văn Nam	THCS Nguyễn Chí Thanh	TPT	BC	V.07.04.12			Địa lý	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
5	Vũ Thị Lành	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X	Toán	ĐH				B	Tiếng anh	B	TCCT	
6	Hồ Huỳnh Anh	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Toán	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
7	Nguyễn Thị Tuyết Nga	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Toán	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	
8	Mai Thị Thùy Trang	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X	X	Toán	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
9	Trần Thị Thu Phương	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Toán	ĐH				C	Tiếng anh	B	SCCT	
10	Hà Hoàn Lê	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Toán	ThS				A	Tiếng anh	B1	SCCT	TCCT
11	Phan Ngọc Bảo Trâm	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Toán	ĐH	Ths			UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B1	SCCT	
12	Nguyễn Duy Khanh	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11			Toán	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	A2	SCCT	
13	Phạm Thị Yến	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Toán	ThS				B	Tiếng anh	B	SCCT	
14	Phạm Văn Dũng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11		X	Âm nhạc	ĐH	Ths	X		UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B1	TCCT	
15	Dương Thị Thanh Trúc	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Âm nhạc	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	
16	Nguyễn Thị Phương Hậu	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Thể dục	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
17	Đỗ Đình Đề	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12		X	Thể dục	CĐ	ĐH			B	Tiếng anh	B	SCCT	
18	Hoàng Hiệp	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12			Thể dục	ĐH	Ths			UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
19	Lê Giảng Gia Như	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Thể dục	ĐH				B ,UDCNTT CB	Tiếng anh	B	SCCT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ (VD: HT, PHT, GV)	Thuộc diện (Nếu thuộc diện biên chế: Nhập BC, nếu thuộc diện hợp đồng: Nhập HD)	Mã số, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng (Nhập theo QĐ lương hiện hưởng. VD: V.07.04.10, V.07.04.11, V.07.04.12, V.07.04.30, V.07.04.31, V.07.04.32)	Giới tính (Nếu là Nữ: Nhập X, nếu là Nam thì bỏ trống)	Đang viên (Nếu là Đảng viên: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Chuyên môn giảng dạy (VD: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GD&ĐT, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Công nghệ, Tin học...)	Trình độ chuyên môn (Nhập theo trình độ chuyên môn cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ)	Đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn: Nhập theo trình độ, VD: Thạc sĩ: ĐH; nếu không tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn thì bỏ trống)	Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Trình độ Tin học (Nhập theo trình độ Tin học cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ, Trung cấp: TC, Chuyên viên: CV, Kỹ thuật viên: KTV, Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao/cơ bản: CCUD CNTT NC/CB, Chứng chỉ A/B/C: CC A/B/C...)	Chứng chỉ, bằng cấp ngoại ngữ (Nhập loại ngoại ngữ của chứng chỉ, bằng cấp hiện có, VD: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Hoa...)	Trình độ ngoại ngữ (Nhập theo trình độ ngoại ngữ cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CB, Trung cấp: TC, Chứng chỉ A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2: CC A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2...)	Trình độ lý luận chính trị (Nhập theo trình độ lý luận chính trị cao nhất hiện có, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; những trường hợp có trình độ TCCT, đồng thời có Cử nhân chính trị thì tính là TCCT; những trường hợp có trình độ Tương đương CCCT thì tính là CCCT)	Đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị: Nhập theo trình độ, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; nếu không tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị)
20	Vương Lê Thanh Thảo	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Thể dục	ThS				A	Tiếng anh	B1	SCCT	
21	Phạm Thị Thu Hằng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Tin học	ĐH				Đại học	Tiếng anh	B	SCCT	
22	Hoàng Minh Thục	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Mỹ thuật	ĐH				UDCNTT Nâng cao				
23	Hồ Thị Bích Vân	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Ngữ văn	ĐH		X		B	Tiếng anh	B	TCCT	
24	Nguyễn Thị Anh Đào	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X			ĐH				B	Tiếng anh	A	SCCT	
25	Nguyễn Thị Hồng Liên	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X		ĐH				A	Tiếng anh	B	TCCT	
26	Trần Thị Thanh Hằng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X			ĐH				B, UDCNTT CB	Tiếng anh	B	SCCT	
27	Nguyễn Thị Thanh Hòa	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Ngữ văn	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
28	Đỗ Thị Yển	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Ngữ văn	CĐ	ĐH			UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
29	Nguyễn Thị Linh	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Ngữ văn	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	
30	Hoàng Văn Dũng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11		X	Ngữ văn	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	TCCT
31	Lê Thị Xuân	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Ngữ văn	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	TCCT
32	Phùng Thị Hương Lan	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.32	X		Ngữ văn	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	
33	Nguyễn Thị Thùy Trang	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Tiếng anh	ĐH				A, UDCNTT CB	Tiếng Hoa - A	Đại học	SCCT	TCCT
34	Vũ Thị Ngọc Hoa	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X	Tiếng anh	ĐH				B		Đại học	TCCT	
35	Hồ Ngọc Diệp	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Tiếng anh	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng pháp - B	Đại học	SCCT	TCCT
36	Lê Thị Bảo Ngọc	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.32	X	X	Tiếng anh	ĐH	Ths			UDCNTT Cơ bản	Tiếng pháp - A	Đại học		
37	Phạm Tiến Dũng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12			Tiếng anh	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng Hoa - B	Đại học	SCCT	
38	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Tiếng anh	ĐH				UDCNTT Cơ bản	Tiếng trung - A	Đại học	SCCT	
39	Liều Kim Hồng	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X	Tiếng anh	ĐH				B	Tiếng pháp - B	Đại học	SCCT	TCCT

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ (VD: HT, PHT, GV)	Thuộc diện (Nếu thuộc diện biên chế: Nhập BC, nếu thuộc diện hợp đồng: Nhập HD)	Mã số, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng (Nhập theo QĐ lương hiện hưởng. VD: V.07.04.10, V.07.04.11, V.07.04.12, V.07.04.30, V.07.04.31, V.07.04.32)	Giới tính (Nếu là Nữ: Nhập X, nếu là Nam thì bỏ trống)	Đang viên (Nếu là Đảng viên: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Chuyên môn giảng dạy (VD: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, GD&ĐT, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Công nghệ, Tin học...)	Trình độ chuyên môn (Nhập theo trình độ chuyên môn cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ)	Đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn: Nhập theo trình độ, VD: Thạc sĩ: ĐH; nếu không tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn thì bỏ trống)	Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Trình độ Tin học (Nhập theo trình độ Tin học cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ, Trung cấp: TC, Chuyên viên: CV, Kỹ thuật viên: KTV, Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao/cơ bản: CCUD CNTT NC/CB, Chứng chỉ A/B/C: CC A/B/C...)	Chứng chỉ, bằng cấp ngoại ngữ (Nhập loại ngoại ngữ của chứng chỉ, bằng cấp hiện có, VD: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Hoa...)	Trình độ ngoại ngữ (Nhập theo trình độ ngoại ngữ cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CB, Trung cấp: TC, Chứng chỉ A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2: CC A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2...)	Trình độ lý luận chính trị (Nhập theo trình độ lý luận chính trị cao nhất hiện có, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; những trường hợp có trình độ TCCT, đồng thời có Cử nhân chính trị thì tính là TCCT; những trường hợp có trình độ Tương đương CCCT thì tính là CCCT)	Đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị: Nhập theo trình độ, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; nếu không tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị)
40	Đặng Thị Tư	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Lịch sử	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
41	Trần Văn Thuận	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12			Lịch sử	ĐH			X	A, UDCNTT CB	Tiếng anh	B	SCCT	
42	Nguyễn Thị Ngát	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Lịch sử	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
43	Trịnh Lê Pháp	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12			Địa lý	CĐ	ĐH		X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
44	Đoàn Thị Nhung	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X	X	Địa lý	ĐH			X	UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B1	SCCT	
45	Vô Thị Thủy Linh	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Địa lý	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
46	Cao Thị Trang	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X	GD&ĐT	ĐH				B	Tiếng anh	B	TCCT	
47	Lê Thị Kim Ngọc	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		GD&ĐT	CĐ	ĐH			A	Tiếng anh	B	SCCT	
48	Trần Thị Bích Thủy	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		GD&ĐT	ĐH				B	Tiếng anh	A2	TCCT	
49	Trần Thị Hoài	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X	Lịch sử	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	
50	Trần Thị Thanh Nhã	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X	X	Vật lý	ĐH		X	X	B	Tiếng anh	B	SCCT	TCCT
51	Nguyễn Thị Hiếu	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Vật lý	ĐH			X	B	Tiếng anh	B1	SCCT	
52	Phan Thị Diễm Trang	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Vật lý	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
53	Nguyễn Thị Nga	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X	X	Vật lý	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	TCCT
54	Lê Thị Việt	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Vật lý	ĐH			X	A	Tiếng anh	B	SCCT	
55	Nguyễn Công Đà	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11			Hóa học	ĐH			X	B	Tiếng anh	B	SCCT	
56	Từ Thị Minh Thư	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Sinh học	ĐH			X	UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
57	Nguyễn Thị Phương	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Sinh học	ĐH			X	UDCNTT Cơ bản	Tiếng anh	B	SCCT	
58	Dương Như Quỳnh	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Sinh học	ĐH			X	B, UDCNTT CB	Tiếng anh	B	SCCT	
59	Dương Trà My	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Sinh học	ĐH			X	B	Tiếng anh	B	SCCT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ (VD: HT, PHT, GV)	Thuộc diện (Nếu thuộc diện biên chế: Nhập BC, nếu thuộc diện hợp đồng: Nhập HD)	Mã số, chức danh nghề nghiệp hiện hưởng (Nhập theo QĐ lương hiện hưởng. VD: V.07.04.10, V.07.04.11, V.07.04.12, V.07.04.30, V.07.04.31, V.07.04.32)	Giới tính (Nếu là Nữ: Nhập X, nếu là Nam thì bỏ trống)	Đang viên (Nếu là Đảng viên: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Chuyên môn giảng dạy (VD: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDCD, Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Công nghệ, Tin học...)	Trình độ chuyên môn (Nhập theo trình độ chuyên môn cao nhất hiện có, VD: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ)	Đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn: Nhập theo trình độ, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH; nếu không tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn thì bỏ trống)	Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ Cán bộ quản lý: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL (Nếu có chứng chỉ Bồi dưỡng các môn tích hợp KHTN, LS&DL: Nhập X, ngược lại nếu không thì bỏ trống)	Trình độ Tin học (Nhập theo trình độ Tin học cao nhất hiện có, VD: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CĐ, Trung cấp: TC, Chuyên viên: CV, Kỹ thuật viên: KTV, Chứng chỉ Ứng dụng CNTT nâng cao/cơ bản: CCUD CNTT NC/CB, Chứng chỉ A/B/C: CC A/B/C...)	Chứng chỉ, bằng cấp ngoại ngữ (Nhập loại ngoại ngữ của chứng chỉ, bằng cấp hiện có, VD: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Hoa...)	Trình độ ngoại ngữ (Nhập theo trình độ ngoại ngữ cao nhất hiện có, VD: Thạc sĩ: ThS, Đại học: ĐH, Cao đẳng: CB, Trung cấp: TC, Chứng chỉ A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2: CC A/B/C/A1/A2/B1/B2/C1/C2...)	Trình độ lý luận chính trị (Nhập theo trình độ lý luận chính trị cao nhất hiện có, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; những trường hợp có trình độ TCCT, đồng thời có Cử nhân chính trị thì tính là TCCT; những trường hợp có trình độ Tương đương CCCT thì tính là CCCT)	Đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị (Nếu đang tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị: Nhập theo trình độ, VD: Cao cấp chính trị: CCCT, Trung cấp chính trị: TCCT, Sơ cấp chính trị: SCCT; nếu không tham gia học nâng cao trình độ lý luận chính trị)
60	Nguyễn Huỳnh Như	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.12	X		Công nghệ	ĐH				A	Tiếng anh	B	SCCT	
61	Tạ Khánh Trang	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Hóa học	ĐH			X	B	Tiếng anh	B1		TCCT
62	Lê Thị Duyên	THCS Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên	BC	V.07.04.11	X		Công nghệ	ĐH				B	Tiếng anh	B1	SCCT	TCCT

Danh sách có 62 người./.

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký)

Lại Thị Bạch Hường